

## DISCUSSION ON UNIVERSITY TEACHING METHODS

**Ngo Viet Son**National Academy of Educational Management  
(NAEM)

Email: sonngoviet638@gmail.com

Received: 04/4/2025

Reviewed: 27/4/2025

Revised: 25/5/2025

Accepted: 22/6/2025

Released: 30/6/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i2.a30>

ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0003-6626-0489>

*In the context of Vietnam's higher education undergoing significant transformation towards modernization and international integration, the renewal of teaching methods has become an urgent requirement to enhance training quality and foster students' holistic competencies. This paper analyzes the theoretical foundations of university teaching methods through contemporary approaches such as constructivism, experiential learning, student-centered learning, and competency-based education. Based on this foundation, the study examines the current situation of teaching methods in Vietnamese universities, highlighting strengths, limitations, and underlying causes. It then discusses global trends in innovative teaching, including active learning, project-based learning, problem-based learning, blended learning, and personalized learning, while suggesting their contextual adaptation in Vietnam. From this, the article proposes specific orientations and solutions to reform teaching methods in higher education, including developing pedagogical and technological skills for lecturers, cultivating self-directed learning and research culture among students, investing in digital learning environments for institutions, and improving policy mechanisms to support innovation from educational management. The discussion emphasizes the shift in lecturers' role from mere "knowledge transmitters" to "learning designers, facilitators, and companions," while addressing challenges and opportunities in applying digital technologies. In conclusion, the paper affirms that renewing teaching methods is not only essential but also the key to improving the quality, effectiveness, and international competitiveness of Vietnam's higher education in the era of globalization.*

**Keywords:** Teaching methods in higher education; Active learning; Student-centered learning; Competency-based education; Blended learning; Educational innovation; Digital transformation in education.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang bước vào giai đoạn đổi mới căn bản và toàn diện, định hướng hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu mới về chuẩn đầu ra, bảo đảm chất lượng, trách nhiệm giải trình và năng lực cạnh tranh của cơ sở giáo dục. Sự chuyển dịch của nền kinh tế tri thức, tiên bộ khoa học và công nghệ, cùng làn sóng chuyển đổi số trong dạy - học đã làm thay đổi cách con người tiếp cận, tạo lập và sử dụng tri thức. Ở cấp độ hệ thống, khung trình độ quốc gia, chuẩn chương

trình đào tạo, cơ chế kiểm định và các tiêu chí đánh giá người học ngày càng nhấn mạnh năng lực thực hành, tư duy phân biện, sáng tạo và năng lực học tập suốt đời. Ở cấp độ cơ sở, các trường đại học buộc phải tái cấu trúc mô hình đào tạo, tối ưu trải nghiệm học tập, tăng tính gắn kết với doanh nghiệp - cộng đồng và khuyến khích nghiên cứu - đổi mới sáng tạo của giảng viên, sinh viên.

Tuy nhiên, phương pháp dạy học truyền thống vẫn còn phổ biến với đặc trưng giảng giải một chiều, thầy là trung tâm truyền thụ kiến thức, trò tiếp nhận

thụ động. Cách tổ chức lớp học như vậy thuận tiện cho việc truyền tải khối lượng nội dung lớn, nhưng khó khơi dậy động cơ, tự chủ và năng lực kiến tạo tri thức của sinh viên. Hệ quả là khoảng cách giữa mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực tiễn dạy - học vẫn tồn tại: kỹ năng giải quyết vấn đề phức hợp, hợp tác liên ngành, giao tiếp học thuật, đạo đức nghề nghiệp và năng lực thích ứng trong môi trường số chưa được bồi đắp đồng đều. Bên cạnh đó, những “rào cản” như sĩ số lớp lớn, áp lực thời lượng, thói quen đánh giá thiên về ghi nhớ, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ và văn hóa học tập thụ động tiếp tục làm chậm lại nỗ lực đổi mới. Trước thực trạng ấy, ý nghĩa của nghiên cứu này nằm ở việc kiến tạo một diễn ngôn học thuật về đổi mới phương pháp dạy học đại học trên cả ba bình diện: (i) Lý luận - hệ thống hóa và cập nhật các tiếp cận đương đại (kiến tạo, học tập trải nghiệm, dạy học lấy người học làm trung tâm, giáo dục dựa trên năng lực), làm rõ mối liên hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá; (ii) Thực tiễn - nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân cốt lõi trong tổ chức dạy - học ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; (iii) Định hướng - chính sách - gợi mở mô hình, điều kiện bảo đảm và cơ chế triển khai để các phương pháp mới đi vào thực chất, phù hợp đặc thù bối cảnh trong nước, nhưng vẫn đáp ứng chuẩn mực quốc tế. Bài báo vì thế không chỉ bổ sung luận cứ cho tiến trình đổi mới sư phạm đại học, mà còn đề xuất lộ trình hành động khả thi cho nhà trường, giảng viên, người học và cơ quan quản lý.

Từ nền tảng trên, mục tiêu của bài báo: (1) Làm rõ các nguyên tắc cốt yếu khi đổi mới phương pháp dạy học đại học (tính định hướng năng lực, tính tích cực - trải nghiệm của người học, tính mở và tích hợp công nghệ, tính gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp); (2) Xác lập định hướng phát triển phương pháp dạy học đại học phù hợp giai đoạn chuyên đổi số và hội nhập (học tập kết hợp, dạy học theo dự án/vấn đề, cá nhân hóa lộ trình học, học qua nghiên cứu và phục vụ cộng đồng); (3) Đề xuất giải pháp đồng bộ ở bốn tầng: năng lực sư phạm số và thiết kế học tập của giảng viên; văn hóa tự học - tự đánh giá của sinh viên; điều kiện bảo đảm của nhà trường (chương trình, học liệu số, hạ tầng LMS, cơ chế khuyến khích và đánh giá giảng dạy); chính sách hỗ trợ của cơ quan quản lý (chuẩn bảo đảm chất lượng, kiểm định, tài chính - đầu tư, kết nối doanh nghiệp). Qua đó, bài báo hướng tới một tầm nhìn: phương pháp dạy học đại học không chỉ là kỹ thuật truyền đạt, mà là nghệ thuật thiết kế trải nghiệm học tập, tạo dựng hệ sinh thái học thuật nơi người học trở thành chủ thể kiến tạo tri thức và giá trị.

## 2. Cơ sở lý luận về phương pháp dạy học đại học

### 2.1. Khái niệm và vai trò

Phương pháp dạy học đại học được hiểu không

chỉ là tập hợp các cách thức, kỹ thuật hay công cụ giảng viên sử dụng để truyền đạt tri thức, mà còn là một hệ thống tổ chức, thiết kế và triển khai hoạt động học tập nhằm giúp sinh viên lĩnh hội, tái cấu trúc và sáng tạo tri thức mới. Cấp độ sâu hơn, phương pháp dạy học đại học không dừng lại việc “dạy cái gì”, mà còn tập trung vào “dạy như thế nào” và “dạy để làm gì”, gắn chặt với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng tự chủ học tập, tự duy phân biện và giải quyết vấn đề trong môi trường biến động.

Vai trò của phương pháp dạy học đại học vì thế trở thành yếu tố trung tâm quyết định chất lượng đào tạo. Một phương pháp phù hợp không chỉ đảm bảo sinh viên tiếp thu được hệ thống tri thức chuyên môn, mà còn giúp họ hình thành năng lực tư duy độc lập, khả năng phân tích, tổng hợp, tự duy phân biện, sáng tạo và kỹ năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn nghề nghiệp. Đồng thời, phương pháp dạy học đại học còn tạo ra môi trường để sinh viên rèn luyện tinh thần hợp tác, năng lực giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu khoa học cũng như khả năng học tập suốt đời - những phẩm chất cốt lõi để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức và xã hội toàn cầu hóa.

Tóm lại, trong giáo dục đại học, phương pháp dạy học vừa là cầu nối giữa mục tiêu đào tạo và kết quả đầu ra, vừa là công cụ chiến lược giúp hình thành, phát triển và nuôi dưỡng toàn diện năng lực người học, từ tri thức chuyên môn đến kỹ năng mềm, từ tự duy phân biện đến sáng tạo, từ khả năng thích ứng đến khát vọng đổi mới và hội nhập quốc tế.

### 2.2. Các tiếp cận lý luận về phương pháp dạy học đại học

Trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục đại học hiện nay, nhiều lý thuyết sư phạm hiện đại đã và đang định hình sâu sắc cách thức tổ chức dạy học, định hướng đổi mới phương pháp giảng dạy. Những tiếp cận lý thuyết chủ đạo sau đây không chỉ cung cấp nền tảng khoa học, mà còn mở ra khung tham chiếu để thiết kế hoạt động học tập phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyên đổi số. Trong tiến trình đổi mới giáo dục đại học, việc lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học cần dựa trên những tiếp cận lý luận hiện đại, phản ánh đúng bản chất của quá trình học tập và phát triển của người học. Bốn tiếp cận tiêu biểu dưới đây đang giữ vai trò định hướng quan trọng cho việc thiết kế và tổ chức dạy học ở bậc đại học:

Thứ nhất, lý thuyết kiến tạo (Constructivism - Vygotsky, Piaget): Theo quan điểm này, tri thức không được truyền đạt nguyên vẹn từ thầy sang trò, mà được người học tự kiến tạo thông qua quá trình trải nghiệm, tương tác xã hội và hoạt động nhận thức cá nhân. Piaget nhấn mạnh vai trò của sự phát triển

nhận thức qua các giai đoạn, trong khi Vygotsky chú trọng đến “vùng phát triển gần” và ảnh hưởng của môi trường xã hội. Ở bậc đại học, lý thuyết kiến tạo định hướng việc tổ chức lớp học như một môi trường học tập mở, nơi giảng viên đóng vai trò người thiết kế và hỗ trợ, còn sinh viên chủ động tìm tòi, phân tích, kết nối và tái cấu trúc tri thức. Theo quan điểm kiến tạo, tri thức không phải là những “khối kiến thức có sẵn” được giảng viên truyền đạt, mà là kết quả do người học tự kiến tạo thông qua trải nghiệm cá nhân, tương tác xã hội và sự phân tư. Ở bậc đại học, phương pháp dạy học theo tiếp cận kiến tạo nhấn mạnh việc tạo ra môi trường học tập mở, khuyến khích sinh viên chủ động tìm kiếm, phân tích, kết nối và tái cấu trúc thông tin, qua đó hình thành hệ thống tri thức bền vững và khả năng vận dụng sáng tạo.

Thứ hai, lý thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning - Kolb): Dựa trên mô hình chu trình học tập của Kolb, tri thức hình thành qua một tiến trình xoay vòng: trải nghiệm cụ thể - quan sát, phản tỉnh - khái quát hóa khái niệm - thử nghiệm trong tình huống mới. Trong giáo dục đại học, lý thuyết này khẳng định tầm quan trọng của việc gắn kết học tập với trải nghiệm thực tiễn qua thực hành, nghiên cứu, dự án, thực tập hay thảo luận tình huống. Nhờ đó, sinh viên không chỉ tiếp nhận kiến thức, mà còn rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng phân tư và năng lực thích ứng nghề nghiệp. Xuất phát từ lý thuyết của D. Kolb, học tập trải nghiệm khẳng định rằng, tri thức chỉ trở nên sống động và có ý nghĩa khi được gắn với trải nghiệm thực tiễn. Quá trình học tập được hình dung như một vòng tròn khép kín: trải nghiệm cụ thể - quan sát, phản tỉnh - khái quát hóa khái niệm - thử nghiệm trong tình huống mới. Đối với giáo dục đại học, điều này có nghĩa là phương pháp dạy học cần được tổ chức qua các hoạt động như thực hành, dự án, nghiên cứu, thực tập, thảo luận tình huống nhằm rèn luyện cho sinh viên năng lực giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng nghề nghiệp.

Thứ ba, lý thuyết học tập lấy người học làm trung tâm (Student-centered Learning): Đây là tiếp cận sư phạm chuyển trọng tâm từ giảng viên sang sinh viên, coi người học là chủ thể kiến tạo tri thức và phát triển năng lực. Giảng viên giữ vai trò là người hướng dẫn, đồng hành và tạo điều kiện; sinh viên tích cực tham gia vào quá trình học tập thông qua thảo luận, hợp tác, phản biện và tự đánh giá. Lý thuyết này đặt ra yêu cầu đổi mới đồng bộ từ nội dung, phương pháp, học liệu đến hình thức kiểm tra - đánh giá, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và học tập suốt đời. Đây là xu thế phổ biến toàn cầu, chuyên vai trò của giảng viên từ “người truyền thụ” sang “người hướng dẫn, thiết kế và đồng hành trong học tập”. Phương pháp dạy học theo tiếp cận này chú trọng khai thác năng lực,

nhu cầu, hứng thú và mục tiêu cá nhân của sinh viên; khuyến khích sự tham gia tích cực, hợp tác và trao đổi đa chiều. Thay vì đo lường kết quả qua ghi nhớ, dạy học lấy người học làm trung tâm coi trọng việc phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, cũng như khả năng tự điều chỉnh và tự chịu trách nhiệm với quá trình học tập của chính mình.

Thứ tư, lý thuyết giáo dục dựa trên năng lực (Competency-based Education): Khác với cách tiếp cận truyền thống tập trung vào việc truyền thụ nội dung, giáo dục dựa trên năng lực định hướng đầu ra theo những năng lực cốt lõi mà sinh viên cần đạt được: kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị nghề nghiệp. Lý thuyết này coi trọng việc “học để làm” và “học để trở thành”, nhấn mạnh sự gắn kết giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Ứng dụng ở đại học, phương pháp dạy học theo tiếp cận này đòi hỏi giảng viên thiết kế hoạt động mang tính ứng dụng cao, tăng cường đánh giá quá trình và đánh giá dựa trên chuẩn năng lực, qua đó hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập và đổi mới sáng tạo. Khác với lối tiếp cận truyền thống thiên về nội dung, giáo dục dựa trên năng lực nhấn mạnh đến việc hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị. Trong môi trường đại học, phương pháp dạy học theo tiếp cận này không chỉ định hướng người học “biết gì” mà quan trọng hơn là “làm được gì” và “trở thành ai” sau khi tốt nghiệp. Điều này đòi hỏi giảng viên thiết kế hoạt động học tập gắn với tình huống nghề nghiệp thực tế, đồng thời áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, liên tục và gắn liền với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Bốn tiếp cận lý thuyết chủ đạo trên không tồn tại tách biệt, mà bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên cơ sở khoa học vững chắc để xây dựng và triển khai những phương pháp dạy học đại học hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tổng hợp bốn tiếp cận lý luận trên cho thấy, phương pháp dạy học đại học hiện đại không còn đơn thuần là kỹ thuật giảng dạy, mà là một chiến lược sư phạm toàn diện, định hướng vào sự phát triển năng lực, phẩm chất và bản lĩnh hội nhập của người học trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

### 2.3. Yêu cầu đối với đổi mới phương pháp dạy học đại học

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, phương pháp dạy học cần được định hình theo những yêu cầu mới, vừa kế thừa giá trị truyền thống, vừa thích ứng với xu thế toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Những yêu cầu này không chỉ mang tính kỹ thuật sư phạm, mà còn phản ánh tầm nhìn chiến lược đối với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trước hết, cần chuyển từ lối dạy học thiên về truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực toàn diện cho người học. Thực tế cho thấy, phương pháp truyền thống tuy giúp sinh viên tiếp nhận lượng kiến thức phong phú, nhưng lại hạn chế khả năng tự học, tư duy phản biện và sáng tạo. Đổi mới phương pháp dạy học phải hướng đến việc hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi - từ năng lực chuyên môn, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề, đến khả năng giao tiếp, hợp tác và thích ứng trong bối cảnh biến đổi. Điều này đồng nghĩa với việc giảng viên không chỉ là “người cung cấp tri thức”, mà còn là “người kiến tạo môi trường học tập”, khơi gợi động lực và phát triển năng lực tự chủ của sinh viên.

Tiếp theo, việc dạy học cần được tổ chức theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết - thực hành - trải nghiệm. Kiến thức lý thuyết là nền tảng, nhưng chỉ thực sự trở nên sống động và bền vững khi được gắn liền với hoạt động thực hành và trải nghiệm thực tiễn. Các hình thức như nghiên cứu tình huống, dự án học tập, thực tập nghề nghiệp, mô phỏng và thảo luận phản biện không chỉ giúp sinh viên vận dụng kiến thức vào thực tiễn, mà còn phát triển kỹ năng tư duy phản tỉnh, khả năng sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Qua đó, giáo dục đại học không chỉ trang bị cho người học “cái biết”, mà còn bồi dưỡng “cái có thể làm” và “cái có thể trở thành”.

Cuối cùng, đổi mới phương pháp dạy học đại học tất yếu phải gắn với ứng dụng công nghệ số và phát triển các mô hình học tập kết hợp (blended learning). Sự phát triển của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số đang mở ra không gian học tập đa chiều, linh hoạt, không giới hạn về thời gian và không gian. Blended learning - sự kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến - cho phép tối ưu hóa ưu điểm của cả hai hình thức: vừa duy trì sự tương tác trực tiếp, vừa mở rộng cơ hội học tập cá nhân hóa, truy cập tài nguyên học liệu phong phú và đánh giá đa dạng. Đây chính là yêu cầu tất yếu để đại học Việt Nam không chỉ theo kịp, mà còn tham gia tích cực vào xu thế giáo dục 4.0 trên toàn cầu.

Tóm lại, đổi mới phương pháp dạy học đại học cần được định hướng theo ba trục chính: từ truyền thụ sang phát triển năng lực; từ lý thuyết khô cứng sang gắn kết thực tiễn và trải nghiệm; từ mô hình truyền thống sang tích hợp công nghệ số và học tập kết hợp. Chỉ khi đáp ứng được những yêu cầu này, giáo dục đại học mới thực sự tạo ra những thế hệ sinh viên có tri thức vững vàng, năng lực sáng tạo và bản lĩnh hội nhập quốc tế.

### **2.4. Nguyên tắc đổi mới phương pháp dạy học đại học**

Đổi mới phương pháp dạy học đại học không thể chỉ dừng lại ở những yêu cầu mang tính định hướng, mà cần được triển khai dựa trên những nguyên tắc

khoa học, chặt chẽ và bền vững. Các nguyên tắc này đóng vai trò như “kim chỉ nam”, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa mục tiêu đào tạo và kết quả đầu ra, đồng thời giúp giảng viên và cơ sở đào tạo xác định rõ ràng tiêu chí trong quá trình cải tiến.

Thứ nhất, nguyên tắc lấy người học làm trung tâm: Sinh viên phải được coi là chủ thể tích cực trong quá trình dạy học, còn giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện. Đổi mới phương pháp cần khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, tinh thần tự học và khả năng tự chịu trách nhiệm của người học. Điều này đòi hỏi tổ chức lớp học theo hướng mở, đa dạng hóa hoạt động học tập, khuyến khích hợp tác, phản biện và trao quyền cho sinh viên trong quá trình tiếp cận tri thức.

Thứ hai, nguyên tắc gắn kết lý thuyết với thực tiễn: Mọi kiến thức được truyền đạt trong giảng đường phải hướng tới khả năng vận dụng vào bối cảnh nghề nghiệp và đời sống xã hội. Việc tổ chức các hoạt động thực hành, dự án, nghiên cứu tình huống hay trải nghiệm thực tế là con đường hiệu quả để người học phát triển năng lực giải quyết vấn đề và thích ứng với thay đổi.

Thứ ba, nguyên tắc phát triển toàn diện năng lực người học: Phương pháp dạy học đại học không chỉ tập trung vào tri thức chuyên môn mà còn cần hình thành các năng lực cốt lõi: tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp - hợp tác, kỹ năng số và năng lực tự học suốt đời. Việc thiết kế hoạt động dạy học phải bảo đảm cân bằng giữa chiều sâu kiến thức, chiều rộng kỹ năng và sự phát triển phẩm chất cá nhân.

Thứ tư, nguyên tắc tích hợp công nghệ và đổi mới sáng tạo: Công nghệ số phải trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực trong giảng dạy và học tập, từ việc khai thác học liệu số, xây dựng lớp học trực tuyến, đến phân tích dữ liệu học tập để cá nhân hóa quá trình học. Đồng thời, đổi mới phương pháp phải đi đôi với khuyến khích tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp và tư duy liên ngành nhằm thích ứng với giáo dục 4.0 và xã hội tri thức.

Thứ năm, nguyên tắc bảo đảm tính hệ thống và bền vững: Đổi mới phương pháp không thể là những thay đổi đơn lẻ, ngắn hạn, mà cần gắn với chiến lược dài hạn của cơ sở đào tạo, được hỗ trợ bởi cơ chế quản lý, chính sách đào tạo, đầu tư hạ tầng và phát triển năng lực giảng viên. Chỉ khi có sự đồng bộ từ cấp độ cá nhân đến tổ chức, từ hoạt động dạy - học đến kiểm tra - đánh giá, quá trình đổi mới mới có thể đạt hiệu quả thực chất.

Đổi mới phương pháp dạy học đại học cần tuân thủ các nguyên tắc: lấy người học làm trung tâm; gắn kết lý thuyết với thực tiễn; phát triển toàn diện năng lực; tích hợp công nghệ và sáng tạo; bảo đảm

tính hệ thống và bền vững. Đây chính là nền tảng lý luận vững chắc để triển khai các giải pháp đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

### 3. Thực trạng phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam

#### 3.1. Đặc điểm nổi bật

Một trong những đặc điểm nổi bật của phương pháp dạy học tại các trường đại học Việt Nam hiện nay là sự chi phối mạnh mẽ của lối giảng dạy truyền thống. Mô hình “thầy giảng - trò ghi chép” vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nhiều lớp học, với trọng tâm là truyền thụ tri thức từ giảng viên sang sinh viên. Trong không ít trường hợp, giảng đường đại học vẫn vận hành theo cơ chế một chiều, nặng về việc giảng viên “cung cấp” khối lượng kiến thức lớn, còn sinh viên ở thế bị động tiếp nhận, ít có cơ hội tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức, phản biện hay trải nghiệm thực tế. Cách tiếp cận này tuy có ưu điểm là đảm bảo truyền tải nhanh khối lượng kiến thức cơ bản, nhưng lại hạn chế khả năng tự học, sáng tạo và tư duy độc lập của người học.

Bên cạnh đó, có thể nhận thấy, xu hướng đổi mới phương pháp dạy học đã bắt đầu xuất hiện tại nhiều cơ sở đào tạo, song chưa diễn ra đồng đều. Một số trường đại học tiên phong đã mạnh dạn áp dụng các mô hình giảng dạy hiện đại như học tập dựa trên dự án, học tập kết hợp (blended learning), lớp học đảo ngược (flipped classroom), hay các phương pháp phát triển năng lực, bước đầu đem lại kết quả tích cực. Tuy nhiên, khoảng cách giữa các trường, đặc biệt là giữa những cơ sở có điều kiện về đội ngũ, tài chính, công nghệ với những trường còn hạn chế nguồn lực vẫn khá lớn. Điều này dẫn đến thực trạng đổi mới thiếu tính đồng bộ, manh mún và phụ thuộc nhiều vào nỗ lực cá nhân giảng viên hoặc định hướng riêng lẻ của từng trường.

Tóm lại, thực trạng phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam hiện nay có thể khái quát bằng hai điểm chính: sự thống trị của mô hình giảng dạy truyền thống và sự đổi mới mang tính cục bộ, chưa đồng đều giữa các cơ sở đào tạo. Đây chính là bức tranh thực tế đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có những giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ và chiến lược để đổi mới phương pháp dạy học trong toàn hệ thống giáo dục đại học.

#### 3.2. Ưu điểm

Mặc dù phương pháp dạy học truyền thống còn nhiều hạn chế, song không thể phủ nhận rằng nó vẫn có những ưu điểm nhất định, góp phần duy trì tính ổn định trong đào tạo đại học Việt Nam.

Thứ nhất, phương pháp giảng dạy theo lối truyền thống giúp truyền tải nhanh khối lượng kiến thức

lớn. Với đặc trưng giảng viên là trung tâm, việc giảng bài theo hình thức thuyết giảng một chiều tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận một hệ thống tri thức rộng và chuẩn hóa trong thời gian ngắn. Đặc biệt, trong bối cảnh nhiều môn học có khối lượng kiến thức nặng về lý thuyết, mô hình này cho phép giảng viên kiểm soát tiến độ giảng dạy, đảm bảo chương trình đào tạo được triển khai đúng kế hoạch.

Thứ hai, phương pháp này phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù sĩ số lớp học đông tại nhiều trường đại học Việt Nam. Trong thực tiễn, không ít cơ sở đào tạo còn gặp khó khăn về hạ tầng, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và tỷ lệ giảng viên/sinh viên chưa đạt chuẩn quốc tế. Trong bối cảnh đó, hình thức giảng dạy truyền thống vẫn được xem là giải pháp khả thi, vừa giúp giảng viên quản lý lớp học hiệu quả, vừa đáp ứng được yêu cầu tổ chức giảng dạy trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế.

Có thể nói, chính nhờ những ưu điểm này mà mô hình giảng dạy truyền thống vẫn tồn tại và được sử dụng phổ biến trong các trường đại học Việt Nam. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu hội nhập và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu điểm của phương pháp truyền thống cần được kết hợp với những cải tiến mới nhằm khắc phục hạn chế và phát huy hiệu quả toàn diện hơn.

#### 3.3. Hạn chế và thách thức

Bên cạnh những ưu điểm nhất định, phương pháp dạy học truyền thống tại các trường đại học Việt Nam bộc lộ không ít hạn chế và thách thức, đặt ra yêu cầu đổi mới cấp thiết.

Thứ nhất, phương pháp này hạn chế sự sáng tạo, khả năng tự học và kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Với đặc trưng giảng dạy một chiều, sinh viên thường đóng vai trò thụ động, chủ yếu nghe giảng và ghi chép mà ít có cơ hội tham gia thảo luận, phản biện hay giải quyết vấn đề. Điều này khiến người học khó phát triển năng lực tư duy độc lập, thiếu kỹ năng hợp tác và hạn chế khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Về lâu dài, lối học tập này dễ tạo ra sự phụ thuộc vào giảng viên, làm giảm động lực và hứng thú học tập của sinh viên.

Thứ hai, phương pháp truyền thống chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển năng lực trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Trong bối cảnh kinh tế tri thức và xã hội số, nguồn nhân lực chất lượng cao cần không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có khả năng thích ứng linh hoạt, tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng số, kỹ năng làm việc trong môi trường toàn cầu. Tuy nhiên, phương pháp dạy học nặng về truyền thụ kiến thức lý thuyết hiện nay chưa tạo được môi trường thuận lợi để hình thành những năng lực này. Khoảng cách giữa mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động vì thế vẫn còn rất lớn.

Thứ ba, thách thức đến từ chính bối cảnh giáo

dục đại học Việt Nam. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, năng lực giảng viên và thói quen học tập của sinh viên đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình đổi mới phương pháp dạy học. Nhiều giảng viên vẫn quen với cách giảng dạy truyền thống, ngần ngại thay đổi do áp lực thời gian, khối lượng công việc và thiếu hỗ trợ từ phía nhà trường. Trong khi đó, sinh viên - vốn đã quen với lối học thụ động cũng cần thời gian và phương pháp phù hợp để thích nghi với các hình thức học tập tích cực.

Tóm lại, những hạn chế và thách thức trên không chỉ cản trở quá trình nâng cao chất lượng đào tạo đại học, mà còn tạo ra nguy cơ tụt hậu trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học ở bậc đại học.

### 3.4. Nguyên nhân

Những hạn chế và thách thức trong đổi mới phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam không phải ngẫu nhiên mà xuất hiện, mà xuất phát từ nhiều nguyên nhân mang tính hệ thống, liên quan đến cả đội ngũ giảng viên, cơ chế chính sách và điều kiện cơ sở vật chất.

Thứ nhất, năng lực sư phạm và kỹ năng đổi mới của một bộ phận giảng viên còn hạn chế. Phần lớn giảng viên đại học hiện nay được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn khoa học, nhưng chưa được trang bị đầy đủ về phương pháp sư phạm bậc đại học. Không ít giảng viên còn thiếu kỹ năng thiết kế hoạt động học tập tích cực, ứng dụng công nghệ số hay triển khai các phương pháp hiện đại như lớp học đảo ngược, học tập dự án, học tập dựa trên năng lực. Bên cạnh đó, áp lực giảng dạy, nghiên cứu, và khối lượng công việc lớn khiến không ít giảng viên chưa dành đủ thời gian đầu tư cho việc đổi mới phương pháp.

Thứ hai, thiếu cơ chế và chính sách khuyến khích đổi mới. Trong nhiều cơ sở đào tạo, việc đánh giá giảng viên vẫn chủ yếu dựa trên khối lượng giảng dạy và số giờ lên lớp, thay vì chất lượng đổi mới phương pháp hay hiệu quả phát triển năng lực sinh viên. Cơ chế khen thưởng, hỗ trợ tài chính, hay chia sẻ kinh nghiệm đổi mới còn hạn chế, khiến động lực thay đổi của giảng viên chưa mạnh mẽ. Thậm chí, một số giảng viên e ngại đổi mới vì lo ngại rủi ro trong đánh giá hoặc không được công nhận đúng mức.

Thứ ba, hạn chế về cơ sở vật chất và công nghệ hỗ trợ giảng dạy. Nhiều trường đại học, đặc biệt là các cơ sở ở địa phương hoặc ngoài công lập, chưa được trang bị đầy đủ hạ tầng công nghệ, phòng học thông minh, phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến, hay các công cụ số cần thiết cho phương pháp giảng dạy hiện đại. Điều kiện lớp học đông, sĩ số lớn cũng gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động học

tập tương tác, thảo luận nhóm hay trải nghiệm thực hành.

Tóm lại, nguyên nhân của những hạn chế trong đổi mới phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam bắt nguồn từ ba trụ cột chính: năng lực giảng viên, cơ chế, chính sách và điều kiện hạ tầng. Đây là những “nút thắt” cần được tháo gỡ để tiến tới quá trình đổi mới căn bản, toàn diện và hiệu quả hơn trong giáo dục đại học.

## 4. Các xu hướng đổi mới phương pháp dạy học đại học trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam

### 4.1. Xu hướng quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục và tác động sâu rộng của Cách mạng công nghiệp 4.0, phương pháp dạy học đại học trên thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ từ tiếp cận truyền thụ tri thức sang tiếp cận phát triển năng lực toàn diện của người học. Nhiều xu hướng quốc tế nổi bật đã và đang định hình diện mạo giáo dục đại học hiện đại, có giá trị tham khảo quan trọng đối với Việt Nam:

Thứ nhất, Active learning (học tập tích cực). Đây là xu hướng nhấn mạnh việc đặt sinh viên vào vị trí trung tâm của quá trình học tập, khuyến khích họ tham gia trực tiếp vào các hoạt động như thảo luận, phản biện, làm bài tập tình huống, mô phỏng, trò chơi học tập... Thay vì tiếp nhận thụ động, người học được “học bằng làm” (learning by doing), qua đó phát triển tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác và năng lực sáng tạo.

Thứ hai, Project-based learning (học tập theo dự án). Xu hướng này coi dự án là công cụ học tập trọng tâm, giúp sinh viên vừa nắm vững kiến thức, vừa rèn luyện kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề và trình bày kết quả. Quá trình học gắn liền với việc triển khai dự án thực tiễn, tạo cơ hội kết nối giữa lý thuyết và thực hành, nhà trường và doanh nghiệp, từ đó nâng cao tính ứng dụng và giá trị thực tế của đào tạo.

Thứ ba, Problem-based learning (học tập giải quyết vấn đề). Khởi nguồn từ đào tạo y khoa và hiện đã lan tỏa sang nhiều lĩnh vực, phương pháp này đặt sinh viên trước những tình huống thực tế phức tạp để họ tự nghiên cứu, thảo luận và tìm ra giải pháp. Không chỉ phát triển năng lực phân tích, tư duy phản biện, mà còn nuôi dưỡng khả năng sáng tạo, tính kiên nhẫn và tinh thần chủ động học tập suốt đời.

Thứ tư, Blended learning và E-learning. Sự phát triển của công nghệ số đã thúc đẩy mô hình dạy học kết hợp (blended learning), trong đó giảng dạy trực tiếp được tích hợp linh hoạt với học trực tuyến (E-learning). Mô hình này không chỉ gia tăng tính linh hoạt và khả năng cá nhân hóa trải nghiệm học tập, mà còn mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, giúp

người học rèn luyện kỹ năng số và làm quen với môi trường học tập ảo - xu hướng tất yếu của kỷ nguyên số.

Thứ năm, Personalized learning (học tập cá nhân hóa). Đây là một trong những xu hướng giáo dục tiên tiến nhất, hướng tới việc thiết kế nội dung, phương pháp và tiến độ học tập phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu riêng của từng sinh viên. Với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu học tập, personalized learning đang trở thành chìa khóa giúp nâng cao hiệu quả giáo dục, đồng thời phát huy tối đa tiềm năng cá nhân của người học.

Tóm lại, những xu hướng quốc tế nêu trên đều có điểm chung là đặt sinh viên vào trung tâm, đề cao trải nghiệm, năng lực và tính ứng dụng, đồng thời khai thác triệt để lợi thế của công nghệ hiện đại. Đây chính là những định hướng quan trọng mà giáo dục đại học Việt Nam có thể học hỏi, lựa chọn và vận dụng phù hợp trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học.

#### 4.2. Gợi mở cho Việt Nam

Trước bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang trong tiến trình đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế, việc tham khảo và vận dụng các xu hướng dạy học tiên tiến trên thế giới là cần thiết. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả thực chất, quá trình này không thể rập khuôn máy móc, mà cần có sự kết hợp linh hoạt với điều kiện, đặc thù và yêu cầu phát triển của đất nước.

Thứ nhất, kết hợp xu hướng quốc tế với bối cảnh trong nước. Những mô hình như active learning, project-based learning, blended learning hay personalized learning đều có giá trị tham khảo quan trọng. Tuy vậy, để phù hợp với thực tiễn Việt Nam - nơi lớp học đông, cơ sở vật chất và công nghệ chưa đồng đều - cần có sự điều chỉnh sáng tạo. Ví dụ, học tập tích cực có thể bắt đầu bằng những hoạt động thảo luận nhóm nhỏ, hoặc học tập theo dự án có thể triển khai gắn với những vấn đề thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp trong nước. Blended learning có thể được phát triển theo mô hình kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp và sử dụng các nền tảng trực tuyến sẵn có, thay vì đòi hỏi ngay hệ thống LMS phức tạp.

Thứ hai, xây dựng các mô hình thử nghiệm và nhân rộng điển hình. Đổi mới phương pháp dạy học chỉ thực sự bền vững khi được triển khai từ thực tiễn và có dẫn chứng thuyết phục. Các trường đại học cần mạnh dạn xây dựng những lớp học thí điểm, áp dụng các phương pháp tiên tiến theo từng lĩnh vực, sau đó tiến hành đánh giá, điều chỉnh và nhân rộng các điển hình hiệu quả. Đây cũng là cách để tạo “văn hóa đổi mới” trong giảng viên và sinh viên, đồng thời khắc phục tâm lý e ngại thay đổi.

Thứ ba, chú trọng phát triển năng lực giảng viên

và cơ chế khuyến khích. Để các gợi mở trên có thể thành hiện thực, đội ngũ giảng viên phải thực sự trở thành “nhà thiết kế học tập” (learning designer), không chỉ truyền đạt kiến thức, mà còn tổ chức, dẫn dắt, đánh giá và hỗ trợ quá trình học của sinh viên. Điều này đòi hỏi sự đầu tư vào đào tạo sư phạm đại học, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ, cũng như xây dựng cơ chế động viên, công nhận và khuyến khích những sáng kiến đổi mới phương pháp.

Tóm lại, gợi mở cho Việt Nam trong đổi mới phương pháp dạy học không phải chỉ là tiếp thu xu hướng quốc tế, mà quan trọng hơn là chuyên hóa sáng tạo thành mô hình phù hợp, khả thi và bền vững với điều kiện trong nước, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và đáp ứng yêu cầu hội nhập.

### 5. Định hướng và giải pháp đổi mới phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam

#### 5.1. Định hướng

Để quá trình đổi mới phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam đạt được hiệu quả bền vững, cần xác định một số định hướng chiến lược mang tính lâu dài, vừa bám sát xu thế quốc tế, vừa phù hợp với điều kiện trong nước.

Thứ nhất, lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động và sáng tạo. Người học không chỉ là “đối tượng tiếp nhận tri thức”, mà cần được xem như chủ thể của quá trình kiến tạo tri thức. Các phương pháp giảng dạy cần khuyến khích sinh viên tự tìm tòi, đặt câu hỏi, thảo luận, phản biện và sáng tạo, từ đó phát triển năng lực tự học, học tập suốt đời và khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp biến đổi nhanh chóng.

Thứ hai, gắn lý thuyết với thực hành, nghiên cứu với ứng dụng. Đào tạo đại học không chỉ dừng ở việc trang bị kiến thức nền tảng mà còn phải rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn. Việc kết hợp học trên lớp với thực tập, dự án nghiên cứu, hoạt động cộng đồng hoặc hợp tác với doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên hiểu rõ giá trị ứng dụng của kiến thức, đồng thời hình thành năng lực sáng tạo và đổi mới.

Thứ ba, đảm bảo hội nhập quốc tế nhưng vẫn giữ đặc thù Việt Nam. Việc tham khảo và áp dụng các mô hình tiên tiến trên thế giới là cần thiết, song quá trình đổi mới không thể “sao chép nguyên mẫu”. Giáo dục đại học Việt Nam cần có sự chọn lọc, điều chỉnh và sáng tạo để phù hợp với bối cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Chỉ bằng cách đó, đổi mới phương pháp dạy học mới vừa tiệm cận chuẩn quốc tế, vừa phản ánh được bản sắc và nhu cầu đặc thù của Việt Nam.

Tóm lại, các định hướng này tạo nên nền tảng quan trọng để hoạch định giải pháp cụ thể, đảm bảo

quá trình đổi mới phương pháp dạy học đại học không chỉ là sự thay đổi bề nổi, mà thực sự góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

### 5.2. Các giải pháp cụ thể

Để hiện thực hóa các định hướng nêu ở mục trước, cần triển khai các giải pháp cụ thể, khả thi và có tính hệ thống hướng tới bốn chủ thể chủ đạo: giảng viên, sinh viên, nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục. Những giải pháp dưới đây không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn đòi hỏi thay đổi văn hóa nghề nghiệp, cơ chế khuyến khích và hệ thống đánh giá phù hợp để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả:

**5.2.1. Giải pháp 1:** Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ cho giảng viên. Với giảng viên, giải pháp trọng tâm là nâng cao năng lực sư phạm, kỹ năng thiết kế học tập hiện đại và năng lực ứng dụng công nghệ. Cụ thể, cần tổ chức chương trình bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn (workshop, khóa học chứng chỉ, micro-credential) về thiết kế môn học theo chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học tích cực (active learning, PBL, PjBL, flipped classroom), kỹ thuật đánh giá theo năng lực và khai thác công cụ số (LMS, công cụ tạo bài tập tương tác, phân tích dữ liệu học tập). Khuyến khích thực hành nghiên cứu sư phạm (scholarship of teaching and learning) thông qua đề tài nhỏ, dự án lớp học thí điểm, lesson study hoặc quan sát tiết dạy có phản hồi đồng nghiệp. Nhà trường cần xây dựng cơ chế công nhận và khen thưởng cho những sáng kiến đổi mới (kinh phí hỗ trợ, giảm tải giảng dạy để thiết kế lại chương trình, hồ sơ nghề nghiệp/teaching portfolio khi xét thăng hạng), đồng thời thiết lập cộng đồng thực hành (communities of practice) để chia sẻ mô hình thành công và nhân rộng phương thức giảng dạy hiệu quả.

**5.2.2. Giải pháp 2:** Xây dựng văn hóa tự học, chủ động nghiên cứu, tăng cường tham gia học tập trải nghiệm cho sinh viên. Với sinh viên, giải pháp chủ trọng xây dựng văn hóa tự học, khuyến khích chủ động nghiên cứu và tăng cường tham gia các hoạt động trải nghiệm. Nhà trường và giảng viên nên thiết kế các hoạt động học tập thúc đẩy trách nhiệm học tập cá nhân như hợp đồng học tập (Learning Contract), mục tiêu học tập cá nhân, nhiệm vụ dự án gắn thực tiễn, thực tập hợp tác với doanh nghiệp, hoạt động phục vụ cộng đồng (service-learning) và đề tài nghiên cứu nhỏ trong chương trình học. Phổ biến các hình thức đánh giá hình thành (formative assessment), phản hồi mang tính xây dựng và e-portfolio để sinh viên tự phản chiếu tiến trình học tập, lưu giữ bằng chứng năng lực và trình bày đầu ra học tập cho nhà tuyển dụng. Cần phát triển mạng

lưới cố vấn học tập (peer mentoring, academic advising) để hỗ trợ sinh viên chuyển đổi từ tư duy tiếp thu sang tư duy nghiên cứu, sáng tạo.

**5.2.3. Giải pháp 3:** Tạo môi trường học tập mở, đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ; xây dựng cơ chế đánh giá giảng dạy theo chuẩn quốc tế cho các trường đại học. Với nhà trường, giải pháp mang tính chiến lược cần hướng tới tạo dựng môi trường học tập mở, đầu tư cơ sở vật chất và nền tảng công nghệ, đồng thời hoàn thiện cơ chế đánh giá giảng dạy theo chuẩn quốc tế. Về hạ tầng, nhà trường nên phát triển phòng học tương tác/active learning classrooms, studio giảng dạy, maker-space, hệ thống LMS tích hợp, kho học liệu số (OER) và công cụ phân tích dữ liệu học tập để hỗ trợ cá nhân hóa. Về tổ chức, cần thành lập Trung tâm Phát triển và Đảm bảo Chất lượng Dạy học (Center for Teaching Excellence) chịu trách nhiệm đào tạo giảng viên, hỗ trợ thiết kế học liệu, thử nghiệm mô hình mới và đánh giá tác động. Về chính sách nội bộ, cần điều chỉnh khung giờ, phân bổ thời gian thiết kế môn học, xác lập tiêu chí đánh giá năng lực sư phạm trong xét thăng hạng; đồng thời đặt mục tiêu chương trình theo chuẩn năng lực, cập nhật khung chương trình và phương pháp đánh giá theo chuẩn đầu ra. Nhà trường cũng cần chủ động liên kết doanh nghiệp và cộng đồng để cung cấp bối cảnh thực hành, đảm bảo tính ứng dụng của các dự án học tập.

**5.2.4. Giải pháp 4:** Ban hành chính sách khuyến khích đổi mới, có cơ chế công nhận, đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học mới. Với cơ quan quản lý giáo dục, giải pháp cần mang tầm hệ thống, tạo điều kiện pháp lý, tài chính và chính sách khuyến khích đổi mới. Cơ quan quản lý nên ban hành hướng dẫn, tiêu chí đánh giá và kiểm định chú trọng năng lực đầu ra và đổi mới sư phạm (không chỉ dựa vào đầu vào hay số giờ giảng dạy), thiết lập các chương trình tài trợ cạnh tranh cho sáng kiến đổi mới phương pháp, hỗ trợ hạ tầng số cho các trường có hoàn cảnh khó khăn và xây dựng khung năng lực sư phạm đại học quốc gia. Ngoài ra, cần điều chỉnh tiêu chí xét tuyển, bổ nhiệm và thăng chức để ghi nhận thành tích đổi mới giảng dạy; phát triển hệ thống theo dõi đầu ra (graduate outcomes), dữ liệu việc làm và phản hồi nhà tuyển dụng làm cơ sở đánh giá hiệu quả đào tạo; thúc đẩy hợp tác công-tư để huy động nguồn lực đầu tư cho đổi mới.

Để các giải pháp trên làm việc hiệu quả, cần có cách tiếp cận triển khai rõ ràng: bắt đầu từ các dự án thí điểm có thiết kế đánh giá (pilot → đánh giá → điều chỉnh), xây dựng mô hình điển hình để nhân rộng, đồng thời áp dụng bộ chỉ số đánh giá kết quả (attainment of competencies, employability, satisfaction surveys, quality of teaching evidence) làm thước đo tiến triển. Cần lưu ý đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận công nghệ và cơ hội học

tập để tránh gia tăng bất bình đẳng giữa các nhóm sinh viên và cơ sở đào tạo.

Tóm lại, các giải pháp cụ thể trên khi được phối hợp đồng bộ và kiên trì thực hiện sẽ chuyển hóa định hướng đổi mới thành những thay đổi thực chất trong phương pháp dạy học, góp phần hình thành thế hệ sinh viên có năng lực chuyên môn vững, kỹ năng mềm linh hoạt và bản lĩnh hội nhập quốc tế.

## 6. Thảo luận

Phần thảo luận này nhằm làm sáng rõ những chuyên dịch cốt lõi trong dạy- học đại học hiện nay: từ mô hình truyền thống sang mô hình hiện đại, hệ quả của việc chuyển vai trò cho giảng viên, những rào cản thực tiễn trong triển khai đổi mới và tiềm năng - kèm theo những lưu ý - khi ứng dụng công nghệ số (AI, VR/AR, LMS) vào hoạt động dạy học. Mục tiêu không đơn thuần là liệt kê khác biệt mà còn đề xuất cách tiếp cận thực tế giúp trường đại học vừa nâng cao chất lượng đào tạo vừa giữ được tính khả thi trong bối cảnh hạn chế về nhân lực, cơ sở vật chất và áp lực chất lượng đầu ra.

### 6.1. So sánh sự khác biệt giữa dạy học truyền thống và dạy học hiện đại ở đại học

Dạy học truyền thống ở đại học thường mang những đặc điểm sau: giảng viên là trung tâm, chủ yếu truyền đạt kiến thức (lecture-centric); nội dung được chuẩn hóa, đánh giá phần lớn bằng kiểm tra tổng kết/thi viết; phương pháp ít tương tác, tập trung vào nhớ-nhận; không gian lớp học tĩnh; và thành tích/điểm số là thước đo chủ yếu của “thành công”. Trái lại, dạy học hiện đại nhấn mạnh năng lực người học, học tập chủ động, và đánh giá đa dạng.

Cụ thể, có thể so sánh theo các chiều sau:

- Mục tiêu dạy - học:

+ Truyền thống: truyền kiến thức chuyên môn, đảm bảo lượng kiến thức nền tảng.

+ Hiện đại: phát triển năng lực (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, kỹ năng số), khả năng ứng dụng kiến thức vào bối cảnh thực tiễn.

- Vai trò người dạy và người học:

+ Truyền thống: giảng viên truyền kiến thức; sinh viên tiếp nhận thụ động.

+ Hiện đại: giảng viên là điều phối viên/nhà thiết kế; sinh viên chủ động xây dựng, thí nghiệm, phản ánh và tự điều chỉnh học tập.

- Phương pháp và hoạt động:

+ Truyền thống: bài giảng dài, ít hoạt động tương tác.

+ Hiện đại: phương pháp tích cực (PBL, TBL, flipped classroom, learning-by-doing), hoạt động nhỏ (micro-activities), đánh giá định dạng và dự án.

- Đánh giá:

+ Truyền thống: kiểm tra kiến thức định kỳ, trọng số lớn cho bài thi cuối kỳ.

+ Hiện đại: đánh giá liên tục, đa phương thức (portfolio, rubrics, peer-assessment, self-assessment), chú trọng phản hồi mang tính phát triển.

- Không gian và công cụ:

+ Truyền thống: lớp học, giảng đường.

+ Hiện đại: kết hợp trực tiếp - trực tuyến, phòng thí nghiệm ảo, môi trường học tập mở trên LMS.

Sự khác biệt này không phải là đối nghịch tuyệt đối mà là phổ liên tục; nhiều mô hình hiệu quả là sự pha trộn có chủ ý giữa hai cực để tận dụng điểm mạnh của mỗi bên.

### 6.2. Vai trò của giảng viên: từ “người truyền đạt” sang “nhà thiết kế - tổ chức học tập”

Trong mô hình dạy học hiện đại, vai trò giảng viên được mở rộng và chuyên môn hóa hơn:

- Nhà thiết kế học tập: giảng viên xác định mục tiêu năng lực, thiết kế lộ trình học tập, xây dựng tình huống thực hành/đề bài dự án phù hợp với bối cảnh chuyên môn và xã hội. Việc này đòi hỏi hiểu biết về thiết kế chương trình, xây dựng rubrics và biết phân mảnh nội dung thành hoạt động học nhỏ (micro-learning).

- Người tổ chức - điều phối: giảng viên phân chia thời gian giữa hướng dẫn trực tiếp và tổ chức các hoạt động cộng tác, quản trị nhóm, kích thích thảo luận có chiều sâu, và đảm bảo tiến trình học theo chuẩn đầu ra.

- Người phản hồi và huấn luyện viên (coach): thay vì chấm điểm một chiều, giảng viên cung cấp phản hồi kịp thời, mang tính phát triển, hướng dẫn sinh viên tự phản ánh và đặt kế hoạch học tập. Vai trò này đòi hỏi kỹ năng phản hồi có cấu trúc (feedforward), sử dụng rubrics rõ ràng và khuyến khích tự đánh giá.

- Người quản lý dữ liệu học tập: khi dùng LMS và hệ thống phân tích học tập, giảng viên cần đọc dữ liệu (engagement, quiz scores, time-on-task) để can thiệp sớm cho sinh viên gặp khó khăn.

- Người khơi dậy tư duy nghề nghiệp và đạo đức: tích hợp vấn đề nghề nghiệp, bối cảnh xã hội và chuẩn mực đạo đức vào hoạt động học.

Thực tế chuyển vai này đòi hỏi giảng viên được đào tạo lại về phương pháp sư phạm hiện đại, thiết kế bài giảng, sử dụng công nghệ và kỹ năng quản lý lớp học có tính cộng tác. Nếu không có hỗ trợ về thời gian, chính sách và khen thưởng, dễ dẫn đến quá tải cho giảng viên.

### 6.3. Thách thức trong thực thi đổi mới

Triển khai đổi mới phương pháp dạy học ở đại học gặp nhiều rào cản thực tiễn:

- Sĩ số lớp lớn:

Lớp lớn làm giảm khả năng tương tác cá nhân, gây khó cho việc áp dụng PBL hay đánh giá dự án chi tiết. Giải pháp: chia nhóm nhỏ, sử dụng trợ giảng, thiết kế peer-assessment, áp dụng mô hình “blended rotation” để xen kẽ hoạt động đồng bộ và không đồng bộ.

- Thói quen và văn hóa giảng dạy - học tập:

Cả giảng viên và sinh viên đôi khi đã quen với vai trò truyền thụ/tiếp nhận. Thay đổi tư duy đòi hỏi thời gian và sự thuyết phục có bằng chứng (ví dụ: pilot thành công, dữ liệu cải thiện kết quả). Cần có chương trình bồi dưỡng liên tục, cộng đồng thực hành và lãnh đạo đổi mới từ khoa/trường.

- Áp lực thành tích và cơ chế đánh giá hiện hành:

Khi hệ thống đánh giá, tuyển dụng và thăng tiến vẫn dựa nặng vào chỉ số truyền thống (số bài xuất bản, tỷ lệ sinh viên thi đỗ), giảng viên ít động lực đầu tư vào đổi mới giảng dạy. Cần điều chỉnh chính sách khen thưởng, đưa hoạt động giảng dạy đổi mới vào tiêu chí đánh giá học thuật.

- Nguồn lực và hạ tầng:

Thiếu phòng thí nghiệm, thiết bị, LMS chất lượng, hoặc kết nối internet không ổn định ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai công nghệ. Giải pháp đòi hỏi đầu tư chiến lược, nhưng cũng có nhiều giải pháp chi phí thấp (OER, hoạt động ngoài lớp, mô hình community-based learning).

- Khả năng chuẩn hóa và đảm bảo chất lượng:

Đổi mới cần vẫn đảm bảo chuẩn đầu ra, khớp với yêu cầu kiểm định và chương trình đào tạo. Việc này đòi hỏi xây dựng khung năng lực rõ ràng và tiêu chí đánh giá cụ thể.

- Chênh lệch năng lực số giữa sinh viên và giảng viên:

Không phải ai cũng sẵn sàng khai thác công nghệ mới; cần chương trình đào tạo, tài liệu hướng dẫn, và hỗ trợ kỹ thuật liên tục.

- Vấn đề đạo đức và tính toàn vẹn học thuật:

Khi áp dụng công cụ số và AI, có nguy cơ gian lận, sao chép hay phụ thuộc công cụ thay vì phát triển năng lực. Cần thiết kế đánh giá ở mức độ cao hơn (áp dụng, phân tích, tạo mới) để giảm thiểu điều này.

**6.4. Khả năng ứng dụng công nghệ số trong cải tiến phương pháp dạy học (AI, VR/AR, LMS) - tiềm năng và lưu ý**

Công nghệ số mở ra nhiều cơ hội để làm giàu phương pháp dạy học, nhưng phải được dùng một

cách có chủ đích (pedagogy-first):

a) Trí tuệ nhân tạo (AI)

Tiềm năng:

- Cá nhân hóa học tập (adaptive learning): AI điều chỉnh nội dung, mức độ bài tập theo tiến trình học của từng sinh viên.

- Phản hồi nhanh: chấm bài trắc nghiệm, phân tích lỗi phổ biến, hỗ trợ phản hồi sơ bộ cho bài luận (draft feedback).

- Hỗ trợ giảng viên soạn bài, tạo ngân hàng câu hỏi, mô phỏng tình huống cho thảo luận.

Lưu ý:

- Nguy cơ “hallucination” (thông tin sai từ AI), thành kiến dữ liệu, và vấn đề bản quyền nội dung do AI tạo ra.

- Vấn đề đạo đức, minh bạch trong sử dụng AI— cần khai báo và hướng dẫn sinh viên sử dụng hợp lý.

- AI nên làm nhiệm vụ hỗ trợ, không thay thế việc đánh giá phẩm chất cao như tư duy phản biện hoặc sáng tạo.

b) Thực tế ảo/Thực tế ảo tăng cường (VR/AR)

Tiềm năng:

- Tạo trải nghiệm thực hành an toàn và chân thực (ví dụ: mô phỏng phẫu thuật, thí nghiệm hóa học, địa hình khảo sát, tái hiện di sản văn hóa).

- Tăng động lực và ghi nhớ thông qua trải nghiệm trực quan, tương tác.

Lưu ý:

- Chi phí ban đầu, yêu cầu phần cứng và thiết kế nội dung chuyên sâu.

- Cần đánh giá hiệu quả học tập (learning outcome) so với chi phí; ưu tiên sử dụng ở những nội dung có lợi suất học tập cao (high-impact practices).

c) Hệ thống quản lý học tập (LMS) và phân tích học tập (Learning Analytics)

Tiềm năng:

- Tổ chức nội dung, giao bài tập, thu thập dữ liệu tương tác, hỗ trợ đánh giá liên tục.

- Phát hiện sớm sinh viên có nguy cơ rơi lại phía sau (early warning), cung cấp dashboard cho giảng viên.

Lưu ý:

- Cần triển khai các báo cáo có ý nghĩa sư phạm, tránh “drowning in data”.

- Bảo mật dữ liệu sinh viên và tuân thủ quy định quyền riêng tư.

d) Nguyên tắc triển khai công nghệ hiệu quả

- Pedagogy-first: xác định mục tiêu học tập trước

khi chọn công nghệ. Công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ.

- Bắt đầu từ pilot nhỏ: chọn một môn/khoá học làm thí điểm, đánh giá bằng dữ liệu và phản hồi, sau đó nhân rộng.

- Đào tạo và hỗ trợ liên tục: cung cấp PD cho giảng viên, hướng dẫn cho sinh viên và hỗ trợ kỹ thuật nhanh.

- Đảm bảo công bằng tiếp cận: xem xét khả năng truy cập thiết bị và băng thông; chuẩn bị phương án cho sinh viên hạn chế tài nguyên.

- Đánh giá nghiêm túc: thiết kế nghiên cứu nhỏ (mixed-methods) để đo lường tác động của công nghệ lên năng lực học tập, động lực và chi phí.

- Chuẩn mực đạo đức và minh bạch: công bố cách sử dụng AI, lưu trữ dữ liệu, và quy định rõ ràng về tính toàn vẹn học thuật.

Đổi mới phương pháp dạy học đại học không chỉ là thay đổi kỹ thuật dạy, mà là thay đổi hệ thống: thay đổi vai trò giảng viên, điều chỉnh đánh giá, tái cấu trúc tổ chức học tập và đầu tư có chiến lược vào công nghệ phù hợp. Thực thi thành công đòi hỏi chính sách hỗ trợ, chương trình bồi dưỡng bài bản cho giảng viên, cơ chế khuyến khích đổi mới và một lộ trình triển khai công nghệ đi kèm đánh giá chất lượng.

## 7. Kết luận

Đổi mới phương pháp dạy học đại học không còn là lựa chọn hay thử nghiệm phụ trợ, mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu để bảo đảm chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trước tốc độ biến đổi nhanh chóng của tri thức, công nghệ và thị trường lao động, các chương trình đào tạo nếu chỉ giữ nguyên cách dạy truyền thống sẽ khó giúp người học đạt được những năng lực cần thiết: tư duy phản biện, giải quyết vấn đề phức tạp, làm việc liên ngành và thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi liên tục. Vì vậy, đổi mới phương pháp giảng dạy là con đường then chốt để chuyển từ “dạy để truyền kiến thức” sang “dạy để phát triển năng lực” - một chuyển dịch mang tính chiến lược và có hệ quả lâu dài cho chất lượng đầu ra của trường đại học.

Bài báo khẳng định rõ ràng vai trò trung tâm của người học trong mọi đổi mới sư phạm: người học không chỉ là đối tượng thụ nhận kiến thức, mà là chủ thể xây dựng tri thức và kỹ năng thông qua các hoạt động học tập chủ động, phản biện và hợp tác. Khi người học được đặt vào vị trí trung tâm, thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá phải được điều chỉnh để ưu tiên trải nghiệm học tập có chiều sâu, khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống thực tế và cơ hội phản hồi - tự phản hồi lẫn phản hồi từ đồng đội và giảng viên.

Sự chuyển dịch này đòi hỏi thay đổi về mục tiêu giáo dục, cấu trúc bài học và cách thức đo lường kết quả học tập để thực sự phản ánh năng lực thay vì chỉ kiểm tra ghi nhớ.

Song hành với việc đặt người học ở trung tâm, bài báo nhấn mạnh tầm quan trọng quyết định của giảng viên trong vai trò nhà thiết kế và tổ chức học tập. Giảng viên cần chuyển mình từ “người truyền đạt” sang “người thiết kế chương trình, điều phối hoạt động, huấn luyện viên và phản biện chuyên môn” - họ phải có năng lực sư phạm hiện đại, kỹ năng thiết kế nhiệm vụ học có ý nghĩa, khả năng đưa phản hồi phát triển và năng lực khai thác công nghệ số để cá nhân hóa và nâng cao hiệu quả học tập. Để thực hiện vai trò mới này hiệu quả, nhà trường cần đầu tư vào bồi dưỡng chuyên môn, giảm tải hành chính không cần thiết và xây dựng hệ thống khen thưởng khuyến khích đổi mới giảng dạy.

Bên cạnh cơ hội, quá trình đổi mới gặp phải những thách thức thực tiễn không thể coi nhẹ: sĩ số lớp lớn, thói quen dạy - học truyền thống, áp lực thành tích và các tiêu chí đánh giá/đãi ngộ hiện hành, hạn chế về cơ sở vật chất và năng lực số. Những thách thức này đòi hỏi giải pháp hệ thống: từ điều chỉnh chính sách nội bộ (đưa thành tựu giảng dạy vào tiêu chí thăng tiến), đầu tư chiến lược cho hạ tầng và hỗ trợ kỹ thuật, đến triển khai các mô hình linh hoạt như nhóm nhỏ, trợ giảng, blended learning và peer-assessment nhằm ứng phó với điều kiện thực tế.

Cuối cùng, bài báo kêu gọi tiếp tục nghiên cứu và thực nghiệm các mô hình phương pháp dạy học tiên tiến phù hợp với bối cảnh giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Cần có các chương trình thí điểm được thiết kế khoa học, đánh giá bằng phương pháp hỗn hợp (quantitative + qualitative) để đo lường tác động lên năng lực người học, động lực và chi phí thực hiện; đồng thời, mở rộng hợp tác giữa các trường, giữa học viện và doanh nghiệp và với các đối tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, đồng thời bảo đảm tính thích ứng với đặc thù văn hóa, ngôn ngữ và nguồn lực của địa phương. Nghiên cứu tiếp theo nên chú trọng cả về mặt kỹ thuật (thiết kế rubrics, công cụ đánh giá năng lực, mô hình học tập kết hợp công nghệ) và chính sách (cơ chế khuyến khích, chuẩn đào tạo giảng viên, bảo đảm công bằng tiếp cận).

Tóm lại, đổi mới phương pháp dạy học đại học là một hành trình chuyển đổi hệ thống - vừa cấp bách, vừa dài hơi, đòi hỏi tầm nhìn chiến lược, cam kết chính sách và năng lực thực thi. Khi người học được đặt làm trung tâm và giảng viên được trao quyền, đào tạo đại học sẽ không chỉ truyền đạt tri thức, mà thực sự hình thành những con người có năng lực nghề nghiệp, tư duy độc lập và trách nhiệm xã hội, góp phần thiết thực vào mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

**Tài liệu tham khảo**

- Anderson, L. W., & Krathwohl, D. R. (Eds.). (2001). *A taxonomy for learning, teaching, and assessing: A revision of Bloom's taxonomy of educational objectives*. Longman.
- Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university* (4th ed.). Open University Press.
- Bonwell, C. C., & Eison, J. A. (1991). *Active learning: Creating excitement in the classroom*. The George Washington University.
- Bransford, J., Brown, A. L., & Cocking, R. R. (Eds.). (2000). *How people learn: Brain, mind, experience, and school*. National Academy Press.
- Brookfield, S. D. (2015). *The skillful teacher: On technique, trust, and responsiveness in the classroom* (3rd ed.). Jossey-Bass.
- Chickering, A. W., & Gamson, Z. F. (1987). *Seven principles for good practice in undergraduate education*. AAHE Bulletin, 39(7), 3–7.
- Freeman, S., Eddy, S. L., McDonough, M., Smith, M. K., Okoroafor, N., Jordt, H., & Wenderoth, M. P. (2014). *Active learning increases student performance in science, engineering, and mathematics*. Proceedings of the National Academy of Sciences, 111(23), 8410–8415. <https://doi.org/10.1073/pnas.1319030111>
- Healey, M., & Jenkins, A. (2009). *Developing undergraduate research and inquiry*. Higher Education Academy.
- Kolb, D. A. (2015). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development* (2nd ed.). Pearson Education.
- Kuh, G. D. (2008). *High-impact educational practices: What they are, who has access to them, and why they matter*. Association of American Colleges and Universities.
- Khuyến, L. V. (2018). *Giáo dục đại học Việt Nam: Đổi mới và hội nhập*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Toàn, N. C. (2004). *Phương pháp luận dạy học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chính, N. Đ. (2010). *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học ở đại học Việt Nam hiện nay*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- Cường, N. V. & Bernd Meier (2014). *Lý luận dạy học hiện đại: Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. Nxb. Đại học Sư phạm.
- Quang, P. H. (2012). *Đổi mới phương pháp dạy học trong giáo dục đại học*. Nxb. Đại học Thái Nguyên.
- Prince, M. (2004). *Does active learning work? A review of the research*. Journal of Engineering Education, 93(3), 223–231. <https://doi.org/10.1002/j.2168-9830.2004.tb00809.x>
- Ramsden, P. (2003). *Learning to teach in higher education* (2nd ed.). RoutledgeFalmer.
- Hoàn, T. B. (2006). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*. Nxb. Giáo dục.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
- Zepke, N., & Leach, L. (2010). *Improving student engagement: Ten proposals for action*. Active Learning in Higher Education, 11(3), 167–177. <https://doi.org/10.1177/1469787410379680>

## BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠI HỌC

**Ngô Viết Sơn**

Học viện Quản lý Giáo dục

Email: sonngoviet638@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/4/2025

Ngày phản biện: 27/4/2025

Ngày tác giả sửa: 25/5/2025

Ngày duyệt đăng: 22/6/2025

Ngày phát hành: 30/6/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i2.a30>

ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0003-6626-0489>**Tóm tắt:**

*Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang hiện đại hóa, đổi mới phương pháp dạy học trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển năng lực toàn diện cho người học. Bài báo này tập trung phân tích cơ sở lý luận về phương pháp dạy học đại học từ các tiếp cận hiện đại như kiến tạo, học tập trải nghiệm, học tập lấy người học làm trung tâm và giáo dục dựa trên năng lực; khảo sát thực trạng phương pháp dạy học ở các trường đại học Việt Nam, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu; thảo luận những xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy trên thế giới như học tập tích cực, học tập theo dự án, học tập giải quyết vấn đề, học tập kết hợp và cá nhân hóa, đồng thời gợi mở khả năng vận dụng phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất các định hướng và giải pháp cụ thể nhằm đổi mới phương pháp dạy học đại học, bao gồm bồi dưỡng năng lực sư phạm và công nghệ cho giảng viên, xây dựng văn hóa tự học và chủ động nghiên cứu cho sinh viên, đầu tư môi trường học tập số hóa cho nhà trường và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới từ phía quản lý giáo dục. Thảo luận cuối cùng nhấn mạnh sự chuyển đổi vai trò giảng viên từ “người truyền đạt” sang “nhà thiết kế, tổ chức và đồng hành trong học tập”, đồng thời chỉ ra thách thức và triển vọng trong ứng dụng công nghệ số. Kết luận, đổi mới phương pháp dạy học đại học không chỉ là một yêu cầu tất yếu, mà còn là chìa khóa để nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính hội nhập của giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.*

**Từ khóa:** Phương pháp dạy học đại học; Học tập tích cực; Dạy học lấy người học làm trung tâm; Giáo dục dựa trên năng lực; Học tập kết hợp; Đổi mới giáo dục; Chuyển đổi số trong giáo dục.